

Bản án số: 71/2019/DSPT

Ngày 11/10/2019

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN.**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Từ.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Thi và ông Trần Quốc Sơn

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Từ Thị Ngân – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 83/2019/TLST- DSPT ngày 22 tháng 8 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DSST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai, tỉnh Nghệ An bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 88/2019/QĐXX-PT ngày 26 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trương Thị Y, sinh năm 1969; Trú tại: Thôn 2, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Bị đơn: Ông Lê Duy S, sinh năm 1963 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1963; Đều trú tại: Thôn 5, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An; Có mặt.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Văn T, sinh năm 1990; Trú tại: Thôn 2, xã Q, thị xã H, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo bà Trương Thị Y trình bày: Ngày 04/01/2013 (tức là ngày 24/11/2013 âm lịch), bà cho vợ chồng ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H vay 150.000.000 đồng. Ông S, bà H có viết giấy vay nợ bà. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo ngân hàng 1%/tháng. Sau khi vay, bà có lấy hàng tạp hóa và tiền của vợ chồng ông S, bà H nhiều lần, tổng trị giá hàng và tiền là 38.570.000 đồng tính trừ vào

tiền lãi suất. Nay bà yêu cầu vợ chồng ông S, bà H trả nợ cho bà số tiền gốc vay còn nợ 150.000.000 đồng và tiền lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 04/01/2013 đến ngày 04/01/2019 là 108.000.000 đồng. Trừ tiền lãi đã trả 38.570.000 đồng, còn 69.430.000 đồng. Tổng cộng bà yêu cầu ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H phải trả cho bà cả tiền gốc vay còn nợ và lãi suất là 219.430.000 đồng.

Bị đơn ông Lê Duy S và bà Nguyễn Thị H thống nhất trình bày: Ngày 04/01/2013, vợ chồng ông, bà có viết giấy vay nợ của bà Trương Thị Y 150.000.000 đồng với thời hạn 6 năm. Lãi suất hai bên thỏa thuận miệng theo ngân hàng 10%/năm. Sau khi vay, vợ chồng ông bà đã trả tiền mặt và tiền mua hàng nhiều lần không nhớ cụ thể, tổng cộng 66.577.000 đồng. Con bà Y có lấy tiền và hàng tạp hóa tại quán hàng của ông bà 4.000.000 đồng. Tổng cộng, bà Trương Thị Y đã lấy hàng và tiền 70.577.000 đồng trừ vào số tiền gốc vay, nay còn nợ 79.423.000 đồng. Số tiền lãi suất ông bà chưa thanh toán cho bà Y được khoản nào. Nay ông bà chỉ chấp nhận trả số tiền gốc vay còn nợ 79.423.000 đồng và xin không trả tiền lãi suất vì điều kiện khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Phạm Văn T trình bày: Việc bà Trương Thị Y cho ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H vay nợ số tiền bao nhiêu, thời gian nào anh không biết. Anh chưa khi nào lấy hàng và tiền của vợ chồng ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 03/2019/DS-ST ngày 26/6/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Hoàng Mai quyết định:

Áp dụng: Điều 466, 468 BLDS, điều 27, điều 37 Luật hôn nhân gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của UBTWQH.

Xử: Buộc vợ chồng ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Trương Thị Y 197.830.000 đồng, trong đó số tiền gốc 150.000.000 đồng, tiền lãi suất 47.830.000 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10/7/2019, ông Lê Duy S kháng cáo bản án sơ thẩm. Ông S cho rằng ông đã trả cho bà Y năm 2014 và năm 2015 là 38.570.000 đồng; năm 2015 và năm 2016 trả tiếp 28.007.000 đồng. Tổng cộng là 66.577.000 đồng, phải trừ vào tiền gốc nhưng bà Y trừ vào tiền lãi là thiệt cho ông.

Tại phiên tòa phúc thẩm ông Lê Duy S lại cho rằng ông đã trả cho bà Trương Thị Y từ năm 2013 đến năm 2015 là 45.468.000 đồng, năm 2016 đến năm 2017 là 27.522.000 đồng. Tổng cộng là 72.990.000 đồng, trong đó trừ vào tiền gốc là

45.468.000 đồng, còn lại 27.522.000 đồng trừ vào tiền lãi và xuất trình thêm một số giấy tờ, tài liệu ông S cho rằng bà Y và chồng con bà Y mua hàng của vợ chồng ông. Bà Nguyễn Thị H đồng ý với ý kiến của ông S và bổ sung ý kiến xin không trả tiền lãi còn lại cho bà Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nghệ An phát biểu ý kiến cho rằng người tham gia tố tụng và người tiến hành tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phạm Văn T vắng mặt, nhưng tại bản tự khai ngày 10/6/2019 anh T đã có ý kiến đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, các bên đương sự đều thừa nhận ngày 04/01/2013, vợ chồng ông Lê Duy S và bà Nguyễn Thị H vay của bà Trương Thị Y 150.000.000 đồng, có viết giấy vay nợ. Sau khi cho vợ chồng ông S, bà H vay tiền, bà Y có lấy hàng tạp hóa và tiền của vợ chồng ông S, bà H. Quá trình xét xử sơ thẩm, ông S, bà H cho rằng bà Y đã lấy tiền mặt và hàng tại ông bà là 66.577.000 đồng, tại phiên tòa phúc thẩm ông bà khai là 72.990.000 đồng, trong đó: Từ năm 2013 đến 2015 là 45.468.000 đồng; năm 2016 đến 2017 là 27.522.000 đồng, việc lấy tiền và hàng được ghi vào sổ theo dõi của ông bà. Ông bà yêu cầu trừ số tiền 45.468.000 đồng vào tiền gốc và trừ số tiền 27.522.000 đồng vào tiền lãi cho ông bà và xin không trả số tiền lãi còn lại. Bà Trương Thị Y chỉ thừa nhận ông Lê Duy S và bà Nguyễn Thị H đã trả cho bà 38.570.000 đồng tiền lãi, không chấp nhận khấu trừ số tiền mua hàng hóa khác ngoài số tiền này vào số tiền nợ, tài liệu ông S xuất trình cũng không thể hiện số tiền mua hàng được khấu trừ vào tiền nợ mà ông S bà H đã vay bà Y vào ngày 04/01/2013, nên không có cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Các đương sự có quyền khởi kiện tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản bằng vụ án dân sự khác theo quy định của pháp luật.

[3] Căn cứ vào tài liệu có tại hồ sơ vụ án (BL11) thể hiện “*H trả tổng cho bà Y 38.570.000 đồng, cộng vào tiền lãi Y*”. Tài liệu này do ông S, bà H lưu giữ và xuất trình cho Tòa án. Vì vậy, không có căn cứ để chấp nhận kháng cáo của ông S về việc vợ chồng ông S đã trả cho bà Y số tiền 72.990.000 đồng và trừ số tiền đã trả vào tiền gốc là 45.468.000 đồng, trừ vào tiền lãi là 27.522.000 đồng. Giữ nguyên nội dung của bản án sơ thẩm.

[4] Quyết định của bản án sơ thẩm tuyên về lãi suất chậm thi hành án chưa đúng quy định nên cấp phúc thẩm sửa lại cho phù hợp.

[5] Về án phí: Ông Lê Duy S phải chịu án phí dân sự phúc theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, không chấp nhận kháng cáo của ông Lê Duy S. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Áp dụng: Điều 466, 468 Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 37 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xử:

- Buộc vợ chồng ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho bà Trương Thị Y số tiền 197.830.000đ (một trăm chín mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng). Trong đó số tiền gốc 150.000.000đ (một trăm năm mươi triệu đồng), tiền lãi suất 47.830.000đ (bốn mươi bảy triệu, tám trăm ba mươi ngàn đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn giảm $\frac{1}{2}$ án phí cho ông Lê Duy S, bà Nguyễn Thị H, phần còn lại ông S và bà H phải nộp là 4.945.000đ (bốn triệu, chín trăm, bốn mươi lăm nghìn đồng). Phần cụ thể mỗi người phải nộp 2.472.500đ (Hai triệu, bốn trăm, bảy mươi hai nghìn năm trăm đồng). Hoàn trả lại cho bà Trương Thị Y 6.450.000đ (sáu triệu, bốn trăm, năm mươi ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai theo biên lai số 0004673 ngày 11/3/2019.

Ông Lê Duy S phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0006903 ngày 18/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Hoàng Mai. Ông S đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Các đương sự
- Chi cục THADS thị xã Hoàng mai;
- TAND thị xã Hoàng Mai;
- Lưu HSVA; VPTA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Từ